

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường phía Tây huyện Vân Canh (từ Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex Bình Định đến Thị trấn Vân Canh) của Ban quản lý dự án Giao thông tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 896/STNMT-CCBVM ngày 23/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường phía Tây huyện Vân Canh (từ Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex Bình Định đến Thị trấn Vân Canh) của Ban quản lý dự án Giao thông tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1410/TTr-STNMT ngày 29/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường phía Tây huyện Vân Canh (từ Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex Bình Định đến Thị trấn Vân Canh) của Ban quản lý dự án Giao thông tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (b/c);
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- Sở TNMT;
- Chủ Dự án;
- Quỹ BVMT tỉnh;
- UBND huyện Vân Canh;
- Lưu: VT, K4

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐƯỜNG PHÍA TÂY HUYỆN VÂN CANH (TỪ KHU CÔNG NGHIỆP, ĐÔ
THỊ VÀ DỊCH VỤ BECAMEX BÌNH ĐỊNH ĐẾN THỊ TRẤN VÂN CANH)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đường phía Tây huyện Vân Canh (từ Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex Bình Định đến Thị trấn Vân Canh) (sau đây gọi là Dự án).
- Địa điểm thực hiện: Huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: Ban QLDA Giao thông tỉnh Bình Định.
- Địa chỉ liên hệ: 705 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Phạm vi dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường theo Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005, đường cấp III, địa hình đồng bằng, điểm đầu giao với Quốc lộ 19C tại Km9+750 (ngã tư nút giao Quốc lộ 19C và tuyến ĐT.638) tại thôn An Long 2, xã Canh Vinh; điểm cuối giáp với Quốc lộ 19C tại Km30+851, xã Canh Thuận.

- Tổng chiều dài tuyến đường thuộc phạm vi Chủ trương đầu tư là 24 km; trong đó:

+ Chiều dài tuyến đường xây dựng của dự án là 16,17 km (tính từ ranh giới Khu công nghiệp, Đô thị Becamex A đến điểm cuối tuyến);

+ Chiều dài đoạn tuyến thuộc phạm vi Khu công nghiệp, Đô thị Becamex A khoảng 7,80 km (từ Quốc lộ 19C tại Km9+750 đến hết ranh Khu công nghiệp) do nhà đầu tư Khu công nghiệp tự thực hiện.

+ Mặt cắt ngang: Bn = 12,0m; Kết cấu mặt đường: Mặt bê tông nhựa.

- Phần cầu: Đầu tư xây dựng 09 công trình cầu đúc dầm (trong đó có 01 cầu vượt đường sắt Bắc – Nam tại xã Canh Thuận), tại Km 0+612,00; Km 1+144,76; Km 2+14,78; Km5+227,00; Km6+785,0; Km9+485,80; Km10+877,72; Km14+178,51; Km15+834,36. Kết cấu bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực.

- Xây dựng nút giao chính: Nút giao cuối tuyến với đường QL19C (Km30+851).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án: San nền, đường giao thông, xây dựng 09 cầu đúc dầm, hệ thống thoát nước mưa, công trình an toàn giao thông.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: bố trí 09 công trường với tổng diện tích khoảng 15.525 m², bố trí 05 trạm trộn bê tông xi măng gồm: 03 trạm công suất 50m³/h và 02 trạm công suất 60m³/h; bố trí 13 bãi lưu chứa tạm dọc tuyến với tổng diện tích 186.452,55m². 01 bãi thải diện tích 2.000m².

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 09 nhà vệ sinh di động; 07 Hồ lắng với dung tích 2m³/hồ, bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định.

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 40.804,81m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình thi công xây dựng: phát sinh nước thải, ô nhiễm nước mưa chảy tràn (cuốn theo bùn, đất), chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn, bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước tại khu vực, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ mất an toàn giao thông; gây ảnh hưởng đến việc thoát nước khu vực xung quanh,...

- Hoạt động nổ mìn phát sinh tiếng ồn, bụi, đất, đất thừa, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước khu vực xung quanh,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân với lưu lượng khoảng 7,2m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh, rửa máy móc, thiết bị thi công sau ngày làm việc, phát sinh khoảng 1,0 m³/ngày/ công trường. Thành phần chủ yếu là đất, cát, dầu mỡ, cặn lơ lửng, ...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công: Khí thải, bụi phát sinh từ hoạt động, nổ mìn, đào đắp thi công mặt bằng; từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; các phương tiện, thiết bị thi công, xây dựng; bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; từ các hoạt động cơ khí. Thành phần chủ yếu gồm bụi, SO₂, NO_x, CO_x, VOC,...

- Giai đoạn hoạt động: Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện lưu thông trên tuyến đường. Thành phần chủ yếu là bụi, NO_x, CO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 80 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn từ quá trình giải phóng mặt bằng, gồm:

+ Sinh khối thực vật trong quá trình giải phóng mặt bằng phát sinh khoảng 01 tấn.

+ Đất đá thừa từ hoạt động nổ mìn, đào đất không đủ tiêu chuẩn đất đắp nền đường phát sinh khoảng 512.155,54m³.

+ Chất thải rắn từ quá trình bóc tách tầng đất mặt nông nghiệp phát sinh khoảng 406,698m³.

+ Bentonite từ hoạt động khoan cọc nhồi phát sinh khoảng 564,76m³.

+ Xà bần từ hoạt động tháo dỡ công trình hiện hữu phát sinh khoảng 60m³.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động thi công xây dựng của dự án có phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (giẻ lau dính dầu thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng....) với khối lượng khoảng 180 kg/suốt thời gian thi công.

3.3. Tiếng ồn và độ rung:

- Giai đoạn thi công: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị đào đắp, san lấp mặt bằng, xây dựng công trình, nổ mìn; từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu có khả năng ảnh hưởng đến khu dân cư lân cận.

- Giai đoạn hoạt động: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện lưu thông trên tuyến đường có khả năng ảnh hưởng đến một số khu dân cư nằm dọc tuyến đường.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ ô nhiễm, hư hỏng tuyến đường

trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ ngập úng cục bộ, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 09 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại của công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Ngoài ra, thuê nhà vệ sinh của hộ dân gần dự án để sử dụng.

- Nước thải từ trạm trộn: được thu gom về hố lắng tại mỗi công trường (kết cấu 2 ngăn mỗi ngăn 1m³). Nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng. Cặn lắng sẽ được xử lý như đối với chất thải rắn thi công.

- Nước thải vệ sinh dụng cụ thi công: lắng cặn, tái sử dụng cho hoạt động xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các rãnh thu gom nước mưa tạm thời trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để đất, cát được lưu giữ lại, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường; tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu; bố trí rãnh thu gom xung quanh, các gờ giảm tốc để hạn chế sa bồi, sạt lở tại các bãi chứa tạm.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào công trường phải có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển để giảm thiểu rơi vãi vật liệu trên đường; xe chờ đúng tải trọng quy định.

- Bố trí công nhân quét dọn, thu gom đất rơi vãi do các xe vận chuyển nguyên vật liệu ra vào thi công dự án.

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý.

4.1.2.2. Giai đoạn hoạt động

Để giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động lưu thông của phương tiện đi lại, trong quá trình thi công dự án đã lắp đặt các biển báo giảm tốc độ, biển báo hiệu đường bộ theo quy định.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phân loại, thu gom, lưu chứa trong thùng rác có nắp đậy kín tại các khu vực lán trại. Chất thải được thu gom trong ngày và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; không chôn lấp hoặc đốt rác trong khu vực dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công dự án:

+ Đối với đất bóc tách tầng đất mặt nông nghiệp được quản lý theo quy định tại Điều 10 Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa (*đề xuất phương án tận dụng đắp tại vị trí xây dựng mái taluy để trồng cỏ*).

- Đối với đất, đá thừa: được vận chuyển về 13 bãi chứa tạm dọc theo hai bên tuyến đường để lưu chứa, sau đó tận dụng phục vụ san lấp các dự án do Ban làm chủ đầu tư và các dự án khác của địa phương. (Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị thi công và đơn vị có nhu cầu thực hiện thủ tục cấp phép khoáng sản để chuyển giao theo quy định của Luật Khoáng sản).

- Đối với bentonite, xà bần: vận chuyển đổ thải tại thửa đất thuộc tờ bản đồ số 7, thuộc Làng Suối Đá, xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh; diện tích khoảng 2.000m², chiều cao đống thải khoảng 0,5m.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Tại mỗi công trường thi công, bố trí các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn, lưu chứa và hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Sử dụng các thiết bị công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa đất, rừng sản xuất

- Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức triển khai thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Sau khi vận chuyển đất đá từ bãi lưu chứa tạm để thi công xây dựng các dự án khác, tiến hành san gạt và trồng cây phục hồi môi trường; trong quá trình vận chuyển

đất đi có giữ lại lớp đất khoảng 0,5m để trồng cây đối với bãi lưu chứa số 1-11; riêng bãi chứa tạm số 12-13 sẽ thực hiện hoàn trả mặt bằng ban đầu cho địa phương thực hiện xây dựng hạ tầng công trình theo quy hoạch xây dựng vùng huyện Vân Canh tỉnh Bình Định đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2050.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, thoát nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

- Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

- Đối với bãi lưu chứa tạm gia cố kè đá dưới chân kết hợp vải địa kỹ thuật.

4.5.5. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố nổ mìn

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, biện pháp và phương án nổ mìn theo đúng quy định, lập phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố trước khi tiến hành nổ mìn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 03 vị trí.

+01 vị trí tại khu dân cư tại km 1+144,76 cách vị trí nổ mìn khoảng 300m. (tọa độ: X = 1.515.461; Y = 584.609, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

+01 vị trí tại khu dân cư tại km 13+904,75 (tọa độ X = 1.505.270; Y = 579.354, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

+01 vị trí tại khu dân cư cuối tuyến (tọa độ X = 1.504.338; Y = 581.377, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

- Thông số giám sát: bụi lơ lửng, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

5.2. Giám sát nước mặt

- Vị trí giám sát: 08 vị trí.

+01 vị trí tại điểm xây dựng cầu km 0+612 (tọa độ X = 1.515.855; Y = 584.994, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

+01 vị trí tại điểm xây dựng cầu Suối Bụt km 1+144,76 (tọa độ X = 1.515.461; Y = 584.609, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

+01 vị trí tại điểm xây dựng cầu tại km 2+14,78 (tọa độ X = 1.515.223; Y = 583.777, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

+01 vị trí tại điểm xây dựng cầu tại km 5+227,45 (tọa độ X = 1.513.172; Y = 581.453, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

+01 vị trí tại điểm xây dựng cầu tại km 6+785 (tọa độ X = 1.511.760; Y = 580.813, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

+01 vị trí tại điểm xây dựng cầu Hiền Thông tại km 9+485,8 (tọa độ X = 1.509.270; Y = 579.787, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

+01 vị trí tại điểm xây dựng cầu suối Dứa tại km 10+877,72 (tọa độ X = 1.5007.945; Y = 579.357, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

+01 vị trí tại điểm xây dựng cầu BALA tại km 14+178,51 (tọa độ X = 1.5007.945; Y = 579.357, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108⁰15', múi chiếu 3⁰).

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Nitrat, Phosphat, tổng dầu mỡ, tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B1).

5.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường./.